

Số: 08/QĐ-MNPVC1

Củ Chi, ngày 08 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán bổ sung lần 5,6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN PHẠM VĂN CỘI 1

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ quyết định 310/QĐ-MNPVC1 ngày 24 tháng 12 năm 2024 của trường Mầm non Phạm Văn Cội 1 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 do tăng mức lương cơ sở và bố trí quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính Phủ;

Căn cứ quyết định 312/QĐ-MNPVC1 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của trường Mầm non Phạm Văn Cội 1 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách 2024 đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện;

Căn cứ đề nghị bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 (biểu đính kèm).

Điều 2. Ban Giám hiệu, bộ phận kế toán chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG


Trang Thị Kim Loan

Đơn vị: TRƯỜNG MN PHẠM VĂN CỘI 1

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2024 (bổ sung)

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ- MNPVC1 ngày 08/01/2025 của trường MN Phạm Văn Cội 1)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	83,328
I	Nguồn ngân sách trong nước	83,328
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	83,328
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	171,167
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-87,839
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Người lập

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày 08 tháng 01 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trang Thị Kim Loan

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN
NĂM 2024 (bổ sung lần 5,6)

(Kèm theo Quyết định số: 08/QĐ-MNPVC1 ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Trường MN Phạm Văn Cội 1)

Đơn vị tính: đồng										
Mục	Tiêu mục	Nội dung	Tổng cộng phân bổ dự toán bổ sung	Dự toán năm 2024				Dự toán năm 2024		
				lần 5				lần 6		
				Tổng	nguồn 13	nguồn 14	nguồn 18	Tổng	nguồn 13	nguồn 12
A	B	C	1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6= 7+8	7	8
		I. THU NGÂN SÁCH	83.328.232	39.086.192	435.250.379	-502.493.787	106.329.600	44.242.040	-264.083.272	308.325.312
A		Dự toán được sử dụng trong năm	83.328.232	39.086.192	435.250.379	-502.493.787	106.329.600	44.242.040	-264.083.272	308.325.312
		- Dự toán cắt giảm giao trong năm								
		II. CHI NGÂN SÁCH	83.328.232	39.086.192	435.250.379	-502.493.787	106.329.600	44.242.040	-264.083.272	308.325.312
		1. PHÂN CHI THƯỜNG XUYÊN/TỰ CHỦ	171.167.107	435.250.379	435.250.379		0	-264.083.272	-264.083.272	0
		a. Chi thanh toán cá nhân	180.743.108	435.250.379	435.250.379		0	-254.507.272	-254.507.272	0
6000		Tiền lương	242.271.700	245.400.700	245.400.700		0	-3.129.000	-3.129.000	0
	6001	Lương theo ngạch, bậc	242.271.700	245.400.700	245.400.700			-3.129.000	-3.129.000	
	6003	Lương hợp đồng theo chế độ	96.480.000	0				96.480.000	96.480.000	
	6049	Lương khác	96.480.000	0				96.480.000	96.480.000	
6100		Phụ cấp lương	-246.771.850	123.010.300	123.010.300		0	-369.782.150	-369.782.150	0
	6101	Phụ cấp chức vụ	5.940.000	5.940.000	5.940.000					
	6105	Làm đêm, thêm giờ						-368.687.000	-368.687.000	
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	82.568.959	83.664.109	83.664.109			-1.095.150	-1.095.150	
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	324.000	324.000	324.000			0		
	6115	Phụ cấp thâm niên VK, phụ cấp thâm niên nghề	33.082.191	33.082.191	33.082.191			0	0	

Mục	Tiêu mục	Nội dung	Tổng cộng phân bổ dự toán bổ sung	Dự toán năm 2024				Dự toán năm 2024		
				lần 5				lần 6		
				Tổng	nguồn 13	nguồn 14	nguồn 18	Tổng	nguồn 13	nguồn 12
A	B	C	1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6= 7+8	7	8
		PC vượt khung	1.452.168	1.452.168	1.452.168			0		
		PC thâm niên nhà giáo: (6,04*1.490.000đ*12th)	31.630.023	31.630.023	31.630.023			0		
6300		Các khoản đóng góp	88.763.258	66.839.379	66.839.379		0	21.923.879	21.923.879	0
	6301	Bảo hiểm xã hội	64.211.718	48.351.891	48.351.891			15.859.827	15.859.827	
	6302	Bảo hiểm y tế	11.331.480	8.532.687	8.532.687			2.798.793	2.798.793	
	6303	Kinh phí công đoàn	7.554.320	5.688.458	5.688.458			1.865.862	1.865.862	
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	3.777.160	2.844.229	2.844.229			932.931	932.931	
	6349	Các khoản đóng góp khác	1.888.580	1.422.114	1.422.114			466.466	466.466	
6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-9.576.000	0				-9.576.000	-9.576.000	
	6999	Tài sản và thiết bị khác	-9.576.000	0				-9.576.000	-9.576.000	
		2. PHẦN CHI TX/KHÔNG TỰ CHỦ	-87.838.875	-396.164.187	0	-502.493.787	106.329.600	308.325.312	0	308.325.312
6100		Phụ cấp lương	228.096.259	0	0			228.096.259	0	228.096.259
	6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	239.896.104	0				239.896.104		239.896.104
	6115	Phụ cấp thâm niên VK, phụ cấp thâm niên nghề	-11.799.845	0				-11.799.845		-11.799.845
		PC thâm niên nhà giáo	-11.799.845	0				-11.799.845		-11.799.845
6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	640.000	0				640.000		640.000
	6199	Các khoản hỗ trợ khác	640.000	0				640.000		640.000
6200		Chi tiền thưởng	106.329.600	106.329.600			106.329.600	0		0
	6249	Thưởng khác	106.329.600	106.329.600			106.329.600	0		
6300		Các khoản đóng góp	-2.772.964	0	0			-2.772.964	0	-2.772.964
	6301	Bảo hiểm xã hội	-2.005.974	0	0			-2.005.974	0	-2.005.974

Mục	Tiểu mục	Nội dung	Tổng cộng phân bổ dự toán bổ sung	Dự toán năm 2024				Dự toán năm 2024		
				lần 5				lần 6		
				Tổng	nguồn 13	nguồn 14	nguồn 18	Tổng	nguồn 13	nguồn 12
A	B	C	1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6= 7+8	7	8
	6302	Bảo hiểm y tế	-353.995	0	0			-353.995	0	-353.995
	6303	Kinh phí công đoàn	-235.997	0	0			-235.997	0	-235.997
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	-117.998	0	0			-117.998	0	-117.998
	6349	Các khoản đóng góp khác	-58.999	0	0			-58.999	0	-58.999
6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-437.768.935	-502.493.787	0	-502.493.787		64.724.852	0	64.724.852
	6449	Chi khác	-437.768.935	-502.493.787		-502.493.787		64.724.852		64.724.852
8000		Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	17.637.165					17.637.165		17.637.165
	8049	Khác	17.637.165					17.637.165		17.637.165

Ngày 08 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Thủ trưởng đơn vị



Trang Thị Kim Loan